



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Ngành/Nghề: Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế

Trình độ Cao đẳng, Trung cấp

Quy mô tuyển sinh/năm: 65 SV/năm

**Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số:
29/2018/GCNĐKHD, ngày 16/04/2018 của Tổng Cục trưởng Tổng cục dạy nghề**

NỘI DUNG

I. Điều kiện đảm bảo của trường Cao đẳng Kỹ thuật trang thiết bị Y tế

1. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2. Cán bộ quản lý, nhà giáo

II. Điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp dùng chung với các ngành, nghề đào tạo khác trong trường

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

2. Nhà giáo

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

III. Điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp chuyên môn nghề Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế;

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

2. Nhà giáo

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
Nghề: Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế; Trình độ Cao đẳng; Trung cấp;
Quy mô tuyển sinh/năm: 65 SV/năm

I. Điều kiện đảm bảo của trường Cao đẳng Kỹ thuật trang thiết bị Y tế

1. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Tổng quan về cơ sở vật chất chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

+ Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, thực tập: 1419 m²

+ Khu phục vụ: Thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế: 405 m²

b) Các công trình, phòng học sử dụng chung

+ Các phòng học được sử dụng chung : 600 m²

+ Phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm:

TT	Tên phòng thực hành	Số lượng thiết bị thực hành	Diện tích sử dụng (m ²)	Ghi chú (địa điểm)
1	Phòng TH thiết bị điện tử y tế	09	43	A402
2	Phòng TH sa bàn ĐTYT	17	33	A404
3	Phòng TH ĐTYS1	41	41	B401
4	Phòng TH ĐTYS2	12	41	B402
5	Phòng TH XQ	6	21.6	A102
6	Phòng TH TB Tăng sáng truyền hình	5	22.32	A101
7	Phòng TH sa bàn	10	43.52	A103
8	Phòng TH TB siêu âm	5	35.56	A306
9	Phòng TH thiết bị CĐYT	39	41	B403
10	Phòng TH thiết bị dược	09	128	T1A KTX
11	Phòng TH KTTB XNYT	16	35.56	A305

12	Phòng TH tin học cơ bản	32	67.2	A301
13	Phòng TH tin học đa năng	20	45	A302
14	Phòng TH tin học ngoại ngữ	40	67.2	A202
15	Phòng TN kỹ thuật điện tử	34	45.36	A303
16	Phòng TN kỹ thuật số & vi điều khiển	11	45.36	A304
17	Phòng TH điện tử điện lạnh	16	19	A106
18	Phòng TH Điện công nghiệp	116	128	T1B KTX
19	Phòng TH điện tử công nghiệp	40	34.56	T2 KTX
20	Phòng TH kính thuốc	18	26	B304
21	Phòng TB kiểm tra và đo lường điện	97	34.56	A405

c) Các thiết bị giảng dạy dùng chung: 15 Projector, 04 đèn chiếu, màn chiếu 15, 05 hệ thống loa, âm ly, bảng viết, 03 phòng máy tính (với 92 đầu máy)

2. Cán bộ quản lý, nhà giáo

Tổng số cán bộ quản lý, nhà giáo: 49 trong đó:

- Cán bộ quản lý: 14 người
- Nhà giáo: 45 người trong đó:
 - + Cơ hữu: 32 người
 - + Kiêm nhiệm: 13 người (9 người là cán bộ quản lý, 4 người kiêm nhiệm)
 - + Thỉnh giảng: không có.

II. Điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp dùng chung với các ngành, nghề đào tạo khác trong trường

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 05 phòng (300m²)
- Số phòng/xưởng thực hành, thực tập: 05 phòng
 - + Phòng thực hành tin học cơ bản
 - + Phòng thực hành tin học ngoại ngữ
 - + Phòng thí nghiệm kỹ thuật điện tử
 - + Phòng thí nghiệm kỹ thuật số & Vi điều khiển
 - + Phòng thực hành điện tử công nghiệp

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo.

- + Phòng thực hành tin học cơ bản: A301

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy tính để bàn	Bộ	32

+ Phòng thực hành tin học ngoại ngữ: A202

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy tính để bàn	Bộ	40

+ Phòng thí nghiệm kỹ thuật điện tử: A303

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1.	Thiết bị phân tích an toàn điện	Chiếc	01
2.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về linh kiện bán dẫn cơ bản có kết nối máy tính	Bộ	01
3.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về đặc tính thiên áp của Transistor có kết nối máy tính	Bộ	01
4.	Bộ thí nghiệm về KĐ điện áp có kết nối máy tính	Bộ	01
5.	Bộ TN về mạch giao động có kết nối máy tính	Bộ	01
6.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về khuếch đại thuật toán, đạo hàm, tích phân, vi phân có kết nối máy tính	Bộ	01
7.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về logic và dãy logic có kết nối máy tính	Bộ	01
8.	Bộ thí nghiệm về chuyển đổi A/D và D/A có kết nối máy tính	Bộ	01
9.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về ứng dụng phát triển logic có kết nối máy tính	Bộ	01
10.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về điện tử công suất về diode chỉnh lưu có kết nối máy tính	Bộ	01
11.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về điện tử công nghiệp ôn áp bằng IC có kết nối máy tính	Bộ	01
12.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về điều khiển ánh sáng, nhiệt độ có kết nối máy tính	Bộ	01

13.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về điều khiển động cơ DC, động cơ bước, động cơ đồng bộ có kết nối máy tính	Bộ	01
14.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về các loại cảm biến nhiệt độ, vị trí có kết nối máy tính	Bộ	01
15.	Bộ thí nghiệm bảng mạch về UPS, nghịch lưu 1 pha có kết nối máy tính	Bộ	01
16.	Panh kẹp	Chiếc	04
17.	Tô vít các loại	Chiếc	14
18.	Rơ le nhiệt âm	Chiếc	01

+ Phòng thí nghiệm Kỹ thuật số & vi điều khiển: A304

TT	Tên trang thiết bị dạy nghề, đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	Số lượng
1.	Bộ lập trình và nạp ROM	Bộ	01
2.	Hệ thống vi xử lý 8-Bit có kết nối máy tính	Bộ	01
3.	Hệ thống vi xử lý 16-Bit có kết nối máy tính	Bộ	01
4.	Hệ thống vi xử lý 32-Bit có kết nối máy tính	Bộ	01
5.	Modul khối giao thức	Bộ	01
6.	Dao động ký có kết nối máy tính	Bộ	01
7.	Máy phát chức năng	Chiếc	01
8.	Sa bàn mạch tự động chuyển đổi nguồn điện	Chiếc	01
9.	SB mạch đảo chiều quy ĐC 3 pha dùng khởi động từ	Chiếc	01
10.	SB mạch đảo chiều quy ĐC 1 pha dùng KĐT kép	Chiếc	01
11.	Sa bàn mở máy động cơ 3 pha dùng cuộn điện kháng	Chiếc	01

+ Phòng thực hành Điện tử công nghiệp: T2 KTX

TT	Tên trang thiết bị dạy nghề, đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử I có kết nối máy tính	Bộ	01
2.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử II có kết nối máy tính	Bộ	02
3.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử III có kết nối máy tính	Bộ	02
4.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử IV có kết nối máy tính	Bộ	01
5.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử V có kết nối máy tính	Bộ	01

6.	Bộ thực hành về mạch ổn áp, ổn áp có điều khiển có kết nối máy tính	Bộ	01
7.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử số I có kết nối máy tính	Bộ	01
8.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử số II có kết nối máy tính	Bộ	01
9.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử số III có kết nối máy tính	Bộ	01
10.	Bộ thực hành về mạch điều khiển nhiệt độ, ánh sáng có kết nối máy tính	Bộ	01
11.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử công nghiệp III (điều khiển ánh sáng và nhiệt độ) có kết nối máy tính	Bộ	01
12.	Bộ thí nghiệm mạch điện tử công nghiệp IV (điều khiển động cơ DC, AC đồng bộ, động cơ bước) có kết nối máy tính	Bộ	01
13.	Bộ thí nghiệm điện tử công nghiệp V (Các loại cảm biến) có kết nối máy tính	Bộ	01
14.	Bộ thí nghiệm điện tử công nghiệp VI (thí nghiệm UPS, nghịch lưu 1pha) có kết nối máy tính	Bộ	01
15.	Bộ khí cụ điện	Bộ	06
16.	Bộ thực hành lập trình PLC	Bộ	05
17.	Bộ thực hành lập trình PLC S7-200	Bộ	05
18.	Mô hình nồi cơm điện dân dụng	Bộ	03
19.	Mô hình dàn trải máy bơm nước	Bộ	02
20.	Bộ thực hành máy điện với chức năng thuận nghịch	Bộ	01
21.	Mô hình nguyên lý máy phát điện 3pha	Bộ	01
22.	Mô hình thực hành máy phát điện 1pha xoay chiều	Bộ	01

(Hồ sơ minh chứng đính kèm)

2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy các môn học cơ bản: 08 giảng viên

+ Nhà giáo cơ hữu: 05 giảng viên

+ Nhà giáo kiêm ngành, kiêm chức: 03 giảng viên

b) Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy các môn học, module kỹ thuật cơ sở: 25 giảng viên

+ Nhà giáo kiêm ngành, kiêm chức: 25 giảng viên

(Hồ sơ minh chứng đính kèm)

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh

- Dành chung cho 07 ngành, nghề đào tạo:

- + Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế
- + Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế
- + Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế
- + Kỹ thuật thiết bị cơ điện y tế
- + Điện công nghiệp
- + Điện tử công nghiệp
- + Lập trình máy tính

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Thời gian đào tạo: 3 năm - Trình độ Cao đẳng

2 năm - Trình độ Trung cấp

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy

+ Các môn học chung

TT	Môn học/Module	Tài liệu đang sử dụng
1	Chính trị	- Chính trị; NXB Lao động Hà Nội.
2	Pháp luật	- Pháp luật; NXB Lao động Hà Nội.
3	Giáo dục thể chất	- Theo Chương trình của TCDN
4	Giáo dục quốc phòng	- Theo Chương trình của TCDN
5	Tin học	- Tin học cơ bản; NXB Lao động Hà Nội.
6	Ngoại ngữ	- New Headway; NXB Thời đại.

+ Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở:

TT	Môn học/Module	Tài liệu đang sử dụng
1	Toán ứng dụng	- Giáo trình Toán học cao cấp; NXB Giáo dục
2	Tiếng anh chuyên ngành	- Tài liệu phát tay
3	Vẽ kỹ thuật	- Bài giảng Vẽ kỹ thuật - Trường ĐH Bách khoa Hà Nội
4	Vật lý ứng dụng trong	- Giáo trình Vật lý đại cương

	TBYT	- NXB Giáo dục
5	Xác suất	- Xác suất thống kê; NXB KH và Kỹ thuật
6	Kỹ thuật điện	- Kỹ thuật điện; NXB Khoa học và Kỹ thuật
7	Kỹ thuật xung	- Kỹ thuật xung căn bản và nâng cao - NXB TP HCM
8	Linh kiện điện tử	- Giáo trình Linh kiện điện tử và ứng dụng - NXB Giáo dục
9	Kỹ thuật mạch điện tử	- Giáo trình Kỹ thuật mạch Điện tử - NXB Giáo dục
10	Kỹ thuật số	- Kỹ thuật số - NXB Khoa học và Kỹ thuật
11	Thiết kế mạch	- Thiết kế mạch - Tài liệu phát tay
12	Vi điều khiển	- Vi điều khiển (Tài liệu phát tay)
13	Cấu trúc máy tính	- Cấu trúc máy vi tính - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
14	Kỹ thuật đo lường	- Kỹ thuật đo lường các đại lượng vật lý - NXB Giáo dục
15	An toàn trang TB y tế	- Tài liệu phát tay
16	Giải phẫu và sinh lý học cơ thể người	- Giải phẫu sinh lý học cơ thể người; - BS: GV. Trần Vệ Quốc (CB)
17	Quản lý trang thiết bị y tế	- Quản lý trang thiết bị y tế; - BS: GV. Lê Văn Giao
18	Vẽ kỹ thuật	- Giáo trình vẽ kỹ thuật - BS: Trần Hữu Quế, Nguyễn Văn Tuấn, 2005. NXB GD - Giáo trình Autocad 2D – 2007 BS: KS Nguyễn Hải Hưng, Trường ĐHQG Hà Nội, 2011
19	Điện kỹ thuật	- Kỹ thuật điện - BS: Đặng Văn Đào; Lê Văn Doanh.. NXB KH&KT - Giáo trình Kỹ thuật điện

		Bs: Đặng Văn Đào; Lê Văn Doanh.. NXB GD - Cơ sở kỹ thuật điện BS: Nguyễn Hữu Thận., NXB Dân trí
20	Linh kiện điện tử	- Giáo trình Linh kiện điện tử BS : Nguyễn Viết Nguyên (Chủ biên), Phạm Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Kim Ngân, Phạm Thị Quỳnh Trang; - Linh kiện điện tử - Nguyễn Viết Nguyên.
21	Đo lường điện tử	- Các bộ cảm biến trong kỹ thuật đo lường và điều khiển BS: Lê Văn Doanh, NXB KH và KT, 2005.
22	Mạch điện tử	- Kỹ thuật Mạch điện tử BS: Phạm Minh Hà, NXB KHKT 1999;
23	Vi mạch tương tự	-Tài liệu phát tay
24	Kỹ thuật xung – số	- Kỹ thuật xung: BS: Đặng Văn Chuyết, Phạm Xuân Khánh. - GT Kỹ thuật xung số NXB Giáo dục Việt Nam, Hà nội 2009; - Kỹ thuật xung căn bản và nâng cao. BS.Nguyễn Tấn Phước, NXB Tp HCM, 2000
25	Vẽ Điện	- Giáo trình Vẽ điện BS: Lê Công Thành, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM - 1998
26	Máy điện	- Đề cương môđun/môn học nghề Sửa chữa thiết bị điện tử công nghiệp, Dự án Giáo dục kỹ thuật và Dạy nghề (VTEP), TCDN, 2003.
27	Kỹ thuật cảm biến	- Các bộ cảm biến trong kỹ thuật đo lường và điều khiển BS: Lê văn Doanh, Phạm Thượng Hàn, Nguyễn Văn Hòa, Đào Văn Tân. NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2001

28	Trang bị điện	- Đề cương môđun/môn học nghề Sửa chữa thiết bị điện tử công nghiệp, Dự án Giáo dục kỹ thuật và Dạy nghề (VTEP), Tổng cục Dạy Nghề, Hà Nội, 2003.
29	Điện cơ bản	- Kỹ thuật điện tử 1 BS : Nguyễn Kim Giao, Lê Xuân Thế - NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003; - Kỹ thuật điện tử. BS: Đỗ xuân Thụ NXB GD, 2005.
30	Tin học đại cương	- Nhập môn cơ sở dữ liệu BS: Lê Tiến Vương, 2000
31	Tin học văn phòng	- Elmasri, Navathe, Fundamentals of Database Systems; - David Maier, The theory of relational Database, Computer Science Press, 1983.
32	Lập trình căn bản	- Thực hành thiết kế trang web Microsoft Frontpage 2000, NXB giáo dục 2000 - Thiết kế web với Frontpage 2000, Trương Quang Thiện, NXB thống kê. - Tự học Frontpage 2002 trong 24h, Lữ Đức Hào, NXB thống kê 2002.
33	Toán rời rạc	- Toán rời rạc - BS: Nguyễn Đức Nghĩa-Nguyễn Tô Thành. NXB giáo dục. Năm xuất bản: 1997;
34	Phần cứng máy tính	- Jim Mischel, Jeff Duntemann, Al Williams. Borland C++Builder Programming Explorer, The Hands-On Guide to Mastering the Power of Borland's. Coriolis Group; - Jason Vokes, Michael Sadler. Borland C++Builder for Dummies. IDG Books,CD; - John Miano, Harold Howe, Tom Cabanski. Borland C++Builder How-To. Waite Group Press.

III. Điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp chuyên môn nghề Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế:

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 03 phòng (150m²)
- Số phòng/xưởng thực hành, thực tập: 02 phòng
 - + Phòng thực hành KTTTB Xét nghiệm y tế
 - + Phòng thiết bị kiểm tra và đo lường điện

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

+ Phòng thực hành KTTTB Xét nghiệm y tế

TT	Tên trang thiết bị dạy nghề, đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Máy xét nghiệm sinh hóa	Hệ thống	01
2.	Máy phân tích sinh hóa bán tự động	Hệ thống	01
3.	Máy đo điện giải tự động ROCHE	Hệ thống	01
4.	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số	Hệ thống	03
5.	Máy ly tâm thường Hettich	Hệ thống	03
6.	Máy ly tâm lạnh Mikro 22R	Hệ thống	02
7.	Kính hiển vi 2 mắt	Hệ thống	02
8.	Máy ly tâm góc	Hệ thống	01
9.	Máy li tâm máu	Hệ thống	01
10.	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	Hệ thống	01

+ Phòng thiết bị kiểm tra và đo lường điện

TT	Tên trang thiết bị dạy nghề, đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Bộ thí nghiệm về DC bán dẫn	Bộ	10
2.	Bộ thí nghiệm về DC bán dẫn 2	Bộ	10
3.	Bộ thí nghiệm về mạch điện tử 1	Bộ	10
4.	Bộ thí nghiệm về mạch điện tử 2	Bộ	10

5.	Bộ thí nghiệm về OP AMP	Bộ	10
6.	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung 1	Bộ	10
7.	Bộ thí nghiệm kỹ thuật xung 2	Bộ	10
8.	Bộ thí nghiệm điện tử công suất	Bộ	01
9.	Giá đỡ khối TN	Cái	10
10.	Ocilo PINTEX	Cái	8
11.	Nguồn nuôi chuẩn	Cái	02
12.	Máy phát xung	Cái	05
13.	Máy đo tần số	Cái	01

(Hồ sơ minh chứng đính kèm)

2. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của nghề Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế: 09 GV

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 07 SV/GV

c) Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm)

- Có 01 giảng viên kiêm nhiệm có giờ giảng tiêu chuẩn: 30 giờ/năm

- Có 01 giảng viên kiêm nhiệm có giờ giảng tiêu chuẩn: 40 giờ/năm

(Hồ sơ minh chứng đính kèm)

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh

- Tên ngành, nghề: Kỹ thuật thiết bị Xét nghiệm y tế

- Mã ngành, nghề: 6529007 - Trình độ Cao đẳng
5529007 - Trình độ Trung cấp

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp

- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Thời gian đào tạo: 3 năm - Trình độ Cao đẳng
2 năm - Trình độ Trung cấp

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy nghề KTTB Xét nghiệm y tế

TT	Môn học/Mô đun	Tài liệu đang sử dụng
1	Các hiện tượng quang học ứng dụng trong các máy xét nghiệm Y tế	- Các hiện tượng quang học trong các máy xét nghiệm - BS: GV. Lê Thị Anh Thư
2	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	- Máy Sinh hóa - BS: GV. Trần Thị Phụng
3	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	- Tập bài giảng chuyên ngành Kỹ thuật y sinh, Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội - Giáo trình chuyên ngành Kỹ thuật y sinh, Khoa Điện tử y sinh, Học Viện Kỹ thuật quân sự
4	Máy xét nghiệm miễn dịch	- Tài liệu thực hành Máy XN miễn dịch - BS: GV. Trần Thị Phụng
5	Máy xét nghiệm điện giải khí máu	- Giáo trình xét nghiệm điện giải khí máu - BS: GV. Trần Thị Phụng
6	Máy xét nghiệm huyết học	- Máy Xét nghiệm huyết học; - BS: GV. Lê Thị Lan
7	Kính hiển vi	- Giáo trình kính hiển vi - BS: GV. Vũ Thị Kim Thoa
8	Máy Ly tâm	- Máy Ly tâm - BS: GV. Lê Văn Giao, Nguyễn Hải Hà

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tư

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÀ GIÁO CƠ HỮU

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Lý luận chính trị	QLHCNN	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Tư	Thạc sĩ Công nghệ Điện tử- viễn thông	Bậc 1	Cao cấp LLCT	QLNN Chuyên viên		C	
2	Nguyễn Hải Hà	Tiến sĩ Bảo đảm toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Cao đẳng SPKT1	Trung cấp LLCT	QLNN Chuyên viên	B	C	
3	Nguyễn Thị Lựa	Tiến sĩ Hóa vô cơ	CN SP hóa học		QLNN Chuyên viên	B	C	
4	Lê Quyết Thắng	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	ĐHSPHN	Cao cấp LLCT	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	B	C	Chưa nộp CC tiếng anh C
5	Nguyễn Anh Dũng	Cử nhân Giáo dục thể chất	Cử nhân sư phạm			B	C	
6	Quản Đức Tuyên	Cử nhân Luật	Bậc 2			B	C	
7	Lê Hải Thanh	Thạc sĩ QL Khoa học- công nghệ	Chứng nhận BDPPDH-Đào tạo nhân rộng	Trung cấp LLCT		B	C	
8	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thạc sĩ Sư phạm kỹ thuật	Bậc 1	Trung cấp LLCT	BD ngạch chuyên viên	C	C	
9	Nguyễn Thị Hồng Vân	Kỹ sư Tin học	Bậc 1		QLNNCT chuyên viên chính		C	
10	Lê Thị Hà	Thạc sĩ Giáo dục học	ĐHSPKT	Trung cấp LLCT	BD ngạch chuyên viên	B	B	
11	Trịnh Xuân Hùng	Cử nhân Sư phạm kỹ thuật	Cử nhân SP			B	C	
12	Nguyễn Thị Định	Thạc sĩ Kỹ thuật y sinh	Bậc 2			B	C	
13	Nguyễn Thị Thường	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2			B	B	
14	Trương Việt Cường	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2			B	C	

15	Nguyễn Thị Bình	Thạc sĩ SP Kỹ thuật					B	B	
16	Nguyễn Huy Triền	Thạc sĩ Vật lý kỹ thuật	Bậc 1					C	
17	Nguyễn Hải Long	Th.S Đo lường & đánh giá trong GD	CĐSPKT1	Trung cấp LLCT			B	B	
18	Nguyễn Gia Quân	Thạc sĩ QL Khoa học-công nghệ	Bậc 2	Trung cấp LLCT	QLNN Chuyên viên			C	
19	Đỗ Hữu Việt	Thạc sĩ QL Khoa học và công nghệ	Bậc 2		BD ngành chuyên viên		B	C	
20	Trần Huy Tập	Thạc sĩ Xử lý thông tin và truyền thông	Bậc 1				C	C	
21	Nguyễn Huy Hoàng	Thạc sĩ Kỹ thuật viễn thông	CCSP dạy nghề					C	
22	Nguyễn Ngọc An	Thạc sĩ Kỹ thuật y sinh	CCSP dạy nghề				B	B	
23	Nguyễn Đình Hoàn	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2				B	A	
24	Võ Tuấn Ngọc	Thạc sĩ Điện tử viễn thông	Bậc 2				B	B	
25	Nguyễn Tuấn Anh	Thạc sĩ Vật lý kỹ thuật	Bậc 2	Trung cấp LLCT	QLNN Chuyên viên		B	B	
26	Nguyễn Anh Tuấn	Kỹ sư Điện khí hóa và cung cấp điện	ĐHSPKTHCM		Hoàn thành CT QLHCNN, QLGD&ĐT		B	B	
27	Nguyễn Quốc Đạt	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 1		BD ngành chuyên viên		B	C	
28	Nguyễn Văn Sơn	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2				B	B	
29	Nguyễn Hải Đông	Thạc sĩ Hệ thống điện	Bậc 2				B	C	
30	Phạm Văn Ân	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2					C	
31	Nguyễn Bích Thủy	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	ĐHSPNN Nga				B		
32	Lê Thị Anh Thư	Thạc sĩ Vật lý	CCNVSP				B	C	
33	Lê Văn Minh	Thạc sĩ Toán	ĐHSPHN				B		
34	Nguyễn Thị Hải Vân	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	CCSP dạy nghề				B		

35	Phùng Minh Đức	Thạc sĩ Toán	ĐHSPHN				B	C	
36	Phạm Thị Phương Anh	Thạc sĩ Lý luận và PP giảng dạy GD chính trị	CCSP dạy nghề				B	B	
37	Hồ Tiến Công	Thạc sĩ QL Khoa học CN	Bậc 1					B	
38	Hà Thanh Phong	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2				B	C	Chưa nộp bằng Thạc sĩ
39	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CCNVSP,			Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	CN Tin	C	
40	Lê Thị Lan	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCNVSP				B	B	
41	Nguyễn Phương Thúy	Kỹ sư Điện, Điện tử	CCSP dạy nghề				B	B	
42	Vũ Thị Kim Thoa	Thạc sĩ Hóa học	CCSP dạy nghề				C	C	
43	Vì Văn Hợp	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí	CCSP dạy nghề				B	B	
44	Trần Thị Phụng	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2				B	C	
45	Nguyễn Xuân Dương	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử viễn thông	Bậc 2				B	B	
46	Nguyễn Ánh Sáng	Kỹ sư Điện tử viễn thông	Bậc 2						
47	Phan Văn Toàn	Cao đẳng nghề KTTB Điện tử					A	B	Bộ sung NVSP
48	Nguyễn Văn Phúc	Cao đẳng nghề KTTB Xét nghiệm					B	C	Bộ sung NVSP

Chữ ký

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

**DANH SÁCH ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO THAM GIA GIẢNG DẠY
CÁC MÔN HỌC CƠ BẢN
NGÀNH, NGHỀ: DÙNG CHUNG CHO 07 NGÀNH, NGHỀ - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

Giáo viên cơ hữu: 05, Giáo viên kiêm ngành: 03

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Phạm Thị Phương Anh	Thạc sĩ Lý luận và PP giảng dạy giáo dục chính trị	CCSP dạy nghề		Pháp luật, Chính trị
2	Quản Đức Tuyền	Cử nhân Luật	Bậc 2		Pháp luật, Chính trị
3	Nguyễn Anh Dũng	Cử nhân Giáo dục thể chất	Cử nhân sư phạm		Giáo dục thể chất
4	Hà Thanh Phong	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2		Tin học cơ bản
5	Nguyễn Bích Thủy	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	ĐHSPNN Nga		Anh văn
6	Nguyễn Thị Hải Vân	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	CCSP dạy nghề		Anh văn
7	Hồ Tiến Công	Thạc sĩ QL Khoa học công nghệ Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử- viễn thông	Bậc 1		Tin học cơ bản
8	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CCNV Sư phạm		Tin học cơ bản

Chữ ký

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

DANH SÁCH ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO THAM GIA GIẢNG DẠY
CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN KỸ THUẬT CƠ SỞ
NGÀNH, NGHỀ: DÙNG CHUNG CHO 07 NGÀNH, NGHỀ - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP
Giáo viên kiêm ngành: 25

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Lê Văn Minh	Thạc sĩ Toán	ĐHSPHN		Toán ứng dụng trong TBYT Xác suất thống kê
2	Phùng Minh Đức	Thạc sĩ Toán	ĐHSPHN		Toán học ứng dụng trong TBYT; Xác suất thống kê
3	Nguyễn Thị Hải Vân	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	CCSP dạy nghề		Tiếng anh chuyên ngành
4	Nguyễn Bích Thủy	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	ĐHSPNN Nga		Tiếng anh chuyên ngành
5	Vì Văn Hợp	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí	CCSP dạy nghề		Vẽ kỹ thuật, Vẽ điện Vật lý ứng dụng trong TBYT
6	Lê Thị Anh Thư	Thạc sĩ Vật lý	CCNV Sư phạm		Vật lý ứng dụng trong TBYT; Điện cơ bản; Các hiện tượng quang học UD trong TBYT
7	Võ Tuấn Ngọc	Thạc sĩ Điện tử viễn thông	Bậc 2		Kỹ thuật điện
8	Lê Quyết Thắng	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Cử nhân sư phạm kỹ thuật	ĐHSPHN		Kỹ thuật điện Tổ chức sản xuất

9	Nguyễn Anh Tuấn	Kỹ sư Điện khí hóa và cung cấp điện	ĐHSPKTHCM	Kỹ thuật điện, Máy điện Điều khiển điện khí nén Trang bị điện, Điện cơ bản
10	Nguyễn Thị Bình	Thạc sĩ Sư phạm Kỹ thuật	Thạc sĩ Sư phạm	Kỹ thuật điện Kỹ thuật mạch, Kỹ thuật xung; Linh kiện điện tử
11	Nguyễn Huy Triển	Thạc sĩ Vật lý kỹ thuật	Bậc 1	Kỹ thuật số, Mạch điện Thực hành Kỹ thuật xung
12	Nguyễn Thị Thường	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2	Kỹ thuật đo lường Linh kiện điện tử, Kỹ thuật mạch; Kỹ thuật số, Kỹ thuật xung
13	Trương Việt Cường	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2	Kỹ thuật mạch, Kỹ thuật xung Linh kiện điện tử
14	Nguyễn Hải Long	Th.S Đo lường & đánh giá chất lượng Giáo dục Kỹ sư Điện, Điện tử	CĐSPKT1	Linh kiện điện tử, Kỹ thuật xung; Quản lý TTBYT Kỹ thuật mạch, mạch điện
15	Trịnh Xuân Hùng	Cử nhân Sư phạm kỹ thuật	Cử nhân sư phạm	Kỹ thuật mạch, Linh kiện điện tử; Kỹ thuật cảm biến
16	Lê Thị Hà	Thạc sĩ Giáo dục học Cử nhân Sư phạm kỹ thuật	ĐHSPKT	Kỹ thuật điện, Quản lý TTBYT; Kỹ thuật xung, Kỹ thuật số; Điện tử cơ bản
17	Nguyễn Thị Định	Kỹ sư Điện tử viễn thông	Bậc 2	Kỹ thuật mạch, Kỹ thuật xung; Linh kiện điện tử
18	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thạc sĩ Sư phạm kỹ thuật Kỹ sư Đo lường và điều khiển	Bậc 1	Kỹ thuật điện, Kỹ thuật số Kỹ thuật đo lường Linh kiện điện tử Kỹ thuật cảm biến

19	Nguyễn Huy Hoàng	Thạc sĩ Kỹ thuật viễn thông	CCSP dạy nghề		Thiết kế mạch; Vi điều khiển, Vi mạch tương tự; Phần cứng máy tính
20	Nguyễn Quốc Đạt	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 1		Thực hành Kỹ thuật xung Thực hành Kỹ thuật số Vi điều khiển, Vi mạch; Thiết kế mạch
21	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CCNV Sur phạm		Cấu trúc máy tính Lập trình căn bản
22	Hà Thanh Phong	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2		Tin học cơ bản, Lập trình căn bản; Phần cứng máy tính
23	Nguyễn Hai Đông	Thạc sĩ Hệ thống điện	Bậc 2		An toàn TTBYT, Quản lý TTBYT; Máy điện, Điện cơ bản; Kỹ thuật điện
24	Lê Thị Lan	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCSP dạy nghề		Giải phẫu sinh lý học cơ thể người; Kỹ thuật cảm biến
25	Nguyễn Phương Thúy	Kỹ sư Điện, Điện tử	CCSP dạy nghề		Giải phẫu sinh lý học cơ thể người; Kỹ thuật cảm biến

Chữ ký

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG CĐ KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO THAM GIA GIẢNG DẠY
CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN NGÀNH
NGÀNH, NGHỀ: KỸ THUẬT THIẾT BỊ XÉT NGHIỆM Y TẾ - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

Giáo viên cơ hữu: 05, Giáo viên kiêm ngành: 02

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ SP	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Lê Thị Lan	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	CCNV Sư phạm		Máy xét nghiệm sinh hóa; Máy li tâm; Máy xét nghiệm huyết học
2	Nguyễn Phương Thúy	Kỹ sư Điện, Điện tử	CCSP dạy nghề		Máy xét nghiệm sinh hóa Xét nghiệm huyết học
3	Nguyễn Thị Lựa	Tiến sĩ Hóa vô cơ	CN SP hóa học		Máy xét nghiệm sinh hóa
4	Vũ Thị Kim Thoa	Thạc sĩ Hóa học	CCSP dạy nghề		Kính hiển vi; Máy ly tâm Máy xét nghiệm sinh hóa Máy xét nghiệm huyết học
5	Trần Thị Phương	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2		Máy xét nghiệm sinh hóa Máy điện giải khí máu Máy xét nghiệm huyết học
6	Nguyễn Hữu Tư	Thạc sĩ Công nghệ Điện tử viễn thông	Bậc 2		Máy xét nghiệm sinh hóa Máy điện giải khí máu Máy xét nghiệm huyết học
7	Lê Thị Anh Thu	Thạc sĩ Vật lý	CCNV Sư phạm		Các hiện tượng quang học UĐ trong TBYT; Kính hiển vi

Chào